

Số: /BC-STC

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 4 VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ
GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 4/2024

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 4/2024:

- Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu Cục Thống kê cung cấp, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) tháng 4/2024 tăng 0,37% so với tháng trước (Trong đó: khu vực thành thị giảm 0,60%; khu vực nông thôn tăng 0,28% so với tháng trước).

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, tháng 4/2024 có 08 nhóm hàng tăng giá và 03 nhóm hàng ổn định:

- Có 08 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, cụ thể như sau:

- + Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,21%;
- + Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,29%;
- + Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,04%;
- + Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 0,21%;
- + Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,11%;
- + Nhóm giao thông tăng 2,23%;
- + Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,93%;
- + Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,06%.

Chỉ số giá tiêu dùng, Vàng và Đôla Mỹ tháng 4/2024 (số liệu của Cục Thống kê tỉnh):

Tên nhóm	So với cùng kỳ tháng năm trước (%)	So với tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
- Chỉ số giá chung:	104,10	100,37	103,99
- Chỉ số giá lương thực:	118,46	100,55	118,36
- Chỉ số giá thực phẩm:	103,08	100,20	101,68
- Chỉ số hàng hóa và các dịch vụ khác:	109,99	100,06	110,07
+ Chỉ số giá vàng:	129,29	109,14	120,39
+ Chỉ số Đôla Mỹ:	106,37	101,29	104,45

- Phân tích cụ thể.

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống:

a. Lương thực:

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 4/2024 tăng 0,55% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,76% (Gạo tẻ thường tăng 0,79%, gạo tẻ ngon tăng 0,82%). Do giá cước vận chuyển và nhu cầu tiêu thụ tăng.

b. Thực phẩm:

Giá thực phẩm tháng 4/2024 tăng 0,20% so với tháng trước, nguyên nhân do một số mặt hàng sau:

- Giá thịt gia súc tăng 1,74% so với tháng trước, trong đó thịt lợn tăng 2,56%; thịt bò tăng 0,16% do nhu cầu tiêu thụ cho kỳ nghỉ lễ dài hạn 30/4 và 01/5 sắp tới tăng;

- Thịt gia cầm giảm 1,23% so với tháng trước (thịt gà giảm 1,65%; thịt gia cầm đông lạnh giảm 1,01%);

- Giá rau tươi giảm 0,11% so với tháng trước do thời tiết thuận lợi nên rau sinh trưởng tốt, lượng rau đưa ra thị trường dồi dào, giá nhiều loại rau giảm từ 0,11% - 1,91% như: khoai tây, rau muống, bắp cải, đỗ quả tươi;

2. Đồ uống và thuốc lá:

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 4/2024 tăng 0,29% so với tháng trước do thời tiết chuyển nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát tăng;

3. May mặc, mũ nón, giày dép:

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 4/2024 tăng 0,04% so với tháng trước do nguyên liệu sản xuất tăng;

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 4/2024 tăng 0,21% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,35% do chi phí vận chuyển, nhu cầu tăng.

- Giá dầu hỏa tăng 1,94% so với tháng 03/2024 do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá vào ngày 04/4/2024, 11/4/2024 và 17/4/2024

- Giá xăng, dầu điều chỉnh vào các ngày 04/4/2024, 11/4/2024 và 17/4/2024. Ngày 11/04/2024 (Vùng 2) giá xăng, dầu Petrolimex như sau:

STT	Mặt hàng	Đơn giá (đồng/ lít)
1	Xăng 95-V	25.850
2	Xăng 95-III	25.310
3	Xăng sinh học E5 RON 92-II	24.310
4	Diesel 0,001S-V	22.660
5	Diesel 0,05S-II	22.040
6	Dầu hỏa dân dụng	22.020

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình:

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 4/2024 tăng 0,11% so với tháng trước do chi phí vận chuyển, chi phí nhân công tăng, thời tiết nắng nóng, nhu cầu mua sắm tăng cao vào mùa hè.

6. Giao thông:

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 4/2024 tăng 2,23% so với tháng trước, chủ yếu do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu.

7. Văn hóa, giải trí và du lịch:

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Tư tăng 0,93% so với tháng trước do chi phí sản xuất tăng, nguồn cung giảm.

8. Hàng hóa và dịch vụ khác:

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 4/2024 tăng 0,06% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân.

9. Giá vàng và Đôla Mỹ:

- Giá vàng trong nước tăng mạnh so với tháng trước là do chịu tác động của giá vàng thế giới. Tính đến ngày 23/4/2024 giá vàng nhẫn 9999 tăng 9,14% so với tháng trước.

- Giá đô la cũng là mặt hàng biến động liên tục thị trường trong nước. Đồng đô la Mỹ tháng này tăng so với tháng trước, chỉ số tháng này là 101,29% tăng 1,29% so với tháng trước.

Diễn biến cụ thể giá vàng và đô la Mỹ trong tháng 4/2024 như sau:

(ĐVT: ngàn đồng/lượng, đồng/USD)

I	Vàng SJC thẻ	Ngày 03/04	Ngày 08/04	Ngày 20/04	Ngày 22/04
1	Mua vào	79.600	79.700	82.000	81.000
2	Bán ra	81.630	81.730	84.030	83.530
II	Vàng 99,99 nhẫn	Ngày 03/04	Ngày 08/04	Ngày 20/04	Ngày 22/04
1	Mua vào	70.450	72.700	74.800	74.200
2	Bán ra	71.650	74.100	76.700	76.100
III	Đôla Mỹ: NH (Vietcombank)	Ngày 03/04	Ngày 08/04	Ngày 20/04	Ngày 22/04
1	Mua vào	24.790	24.790	25.163	25.175
2	Bán ra	25.130	25.130	25.473	25.485

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 4/2024:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật: 0 hồ sơ (Luỹ kế 01 hồ sơ: Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh

Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các dự án: 0 hồ sơ (Luỹ kế 02 hồ sơ: Dự án: Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng – Sikico; Liên danh Phúc An Khang Bình Phước - Licogi 13 - Trung chính);

- Xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: 0 hồ sơ (Luỹ kế 02 hồ sơ: Công ty TNHH DV SX TM Chế biến gỗ Bình Minh Com và Công ty TNHH MTV Trạm xăng dầu Hải Vân).

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch: Kế hoạch triển khai thi hành Luật giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước: (Luỹ kế: 03 hồ sơ: Kế hoạch triển khai thực hiện việc xử lý trụ sở, tài sản công đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch triển khai thi hành Luật giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước);

- Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP của các cơ sở nhà đất thuộc phạm vi sắp xếp: 05 hồ sơ (Luỹ kế 12 hồ sơ: Thị xã Phước Long, Ngân hàng Viettin Tỉnh uỷ Bình Phước, UBND huyện Bù Gia Mập, Đồng Phú, Bù Đăng, Thị xã Phước Long, Ngân hàng Viettin bank, UBND huyện Bù Đốp);

- Trình UBND tỉnh thanh lý, điều chuyển tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị: 04 hồ sơ (Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, Ban quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập, Trung Tâm Y tế và Xí nghiệp công trình đô thị thị xã Phước Long);

- Báo cáo Thẩm định dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: 0 hồ sơ (Luỹ kế 01 hồ sơ);

- Báo cáo tình hình giá cả thị trường hằng tháng theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính: 01 hồ sơ (Luỹ kế 4 hồ sơ);

- Nhận hồ sơ kê khai giá, đăng ký giá; 15 hồ sơ (Luỹ kế 42 hồ sơ).

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định, Nghị định, Thông tư: 02 hồ sơ (Luỹ kế 06 hồ sơ);

- Đôn đốc tiến độ các công việc: 01 hồ sơ (Luỹ kế 9 hồ sơ: Điều tra chi phí sản xuất và giá thành thóc vụ Hè Thu năm 2023; Báo cáo kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị);

- Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung khác theo đề nghị của đơn vị: 06 hồ sơ (Luỹ kế 28 hồ sơ);

- Báo cáo các nội dung khác theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị: 0 hồ sơ (luỹ kế 09 hồ sơ);

- Các hồ sơ công việc khác: 35 hồ sơ (Luỹ kế 153 hồ sơ);

- Tham gia định giá tài sản theo đề nghị của Tòa án tỉnh, phối hợp định giá tài sản vi phạm hành chính để xác định khung hình phạt, thẩm quyền xử phạt theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của

người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền do cơ quan thi hành án cấp tỉnh chuyển giao.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 4 và công tác quản lý giá - công sản tháng 4/2024 của Sở Tài chính Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tài chính các tỉnh: Bình Dương;
Tây Ninh; Đắk Nông; Bình Thuận;
Ninh Thuận.
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC - KH các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, Phòng QLGS-CS (A).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**